

6.1.2. Nội dung phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

6.1.2.1. Đánh giá khái quát tình hình lưu chuyển tiền tệ

Đánh giá khái quát tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp bao gồm việc tính toán và so sánh các chỉ tiêu sau:

Một là: Tổng lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của doanh nghiệp

Sử dụng phương pháp so sánh để đánh giá sự biến động về quy mô và tốc độ của tổng dòng lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của doanh nghiệp.

$$\text{Mức biến động (tăng hoặc giảm) của} \\ \text{dòng tiền thuần kỳ này so với kỳ trước} = \text{Dòng tiền} \\ \text{thuần kỳ này} - \text{Dòng tiền} \\ \text{thuần kỳ trước} \quad (6.1)$$

(Đơn vị tính: đ, ngđ, trđ,...)

$$\text{Tốc độ biến động (tăng hoặc} \\ \text{giảm) của dòng tiền thuần} \\ \text{kỳ này so với kỳ trước} = \frac{\text{Dòng tiền thuần} \\ \text{kỳ này} - \text{Dòng tiền thuần} \\ \text{kỳ trước}}{\text{Dòng tiền thuần kỳ trước}} \times 100 \quad (6.2)$$

(Đơn vị tính: %)

Hai là: Hệ số đảm bảo dòng tiền

Hệ số đảm bảo dòng tiền dùng để đo lường khả năng của một công ty trong việc tạo ra tiền mặt từ hoạt động kinh doanh để trang trải các khoản chi phí vốn, đầu tư vào hàng tồn kho và chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Để loại bỏ các ảnh hưởng mang tính chu kỳ của hoạt động kinh doanh và các ảnh hưởng ngẫu nhiên khác, khi tính toán chỉ tiêu này các nhà phân tích thường sử dụng số liệu tổng dòng tiền hoạt động của ba năm liên tiếp. Hệ số đảm bảo dòng tiền được tính như sau:

$$\text{Hệ số} \\ \text{đảm bảo} \\ \text{dòng tiền} = \frac{\text{Tổng dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh} \\ \text{trong 3 năm liên tiếp}}{\text{Tổng các khoản chi phí vốn, đầu tư vào hàng tồn kho,} \\ \text{chi trả cổ tức tiền mặt trong 3 năm liên tiếp}} \quad (6.3)$$

(Đơn vị tính: lần)

Trong đó, chỉ tiêu “Chi phí vốn” hay còn gọi là chi phí đầu tư, bao gồm các khoản mà doanh nghiệp dùng để đầu tư, mua sắm mới các tài sản như tài sản cố định, nhà cửa, máy móc thiết bị, nhà xưởng, văn phòng, hoặc nâng cấp, gia tăng năng lực của các tài sản hiện có. Các khoản chi tiêu vốn thường được dùng để đầu tư nhằm tạo ra lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp.

Lưu ý: Trong công thức xác định Hệ số đảm bảo dòng tiền, các khoản mục khác trong phần Tài sản ngắn hạn ví dụ như các Khoản phải thu ngắn hạn được bỏ qua vì nó

được tài trợ chủ yếu bằng nguồn tín dụng ngắn hạn, chỉ nên bao gồm các khoản đầu tư vào Hàng tồn kho. Nếu trong các năm này đầu tư vào hàng tồn kho giảm thì khoản đầu tư vào Hàng tồn kho này sẽ bằng 0 trong công thức tính.

Hệ số đảm bảo dòng tiền lớn hơn hoặc bằng một (≥ 1) cho thấy dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty dư thừa hoặc đủ khả năng để trang trải các nhu cầu về chi phí vốn, đầu tư Hàng tồn kho và chi trả cổ tức tiền mặt mà không cần huy động đến nguồn tài chính từ bên ngoài. Nếu hệ số này nhỏ hơn một (< 1), dòng tiền từ hoạt động kinh doanh không đủ để cho công ty duy trì mức cổ tức tiền mặt cũng như đảm bảo cho các nhu cầu chi phí vốn và đầu tư Hàng tồn kho.

Ba là: Tỷ suất tái đầu tư tiền mặt

Tỷ suất tái đầu tư tiền mặt cho biết dòng tiền dùng để tái đầu tư chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản và sự tăng trưởng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\text{Tỷ suất tái đầu tư tiền mặt} = \frac{\text{Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh} - \text{Cổ tức tiền mặt}}{\text{Tài sản cố định hữu hình} + \text{Tài sản vô hình} + \text{Vốn hoạt động thuần}} \times 100 \quad (6.4)$$

(Đơn vị tính: %)

Trong đó:

$$\text{Vốn hoạt động thuần} = \text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nguồn vốn tạm thời} \quad (6.5)$$

Hoặc:

$$\text{Vốn hoạt động thuần} = \text{Nguồn vốn thường xuyên} - \text{Tài sản dài hạn} \quad (6.6)$$

Để thuận tiện cho việc đánh giá khái quát tình hình lưu chuyển tiền thuần của doanh nghiệp, có thể lập bảng phân tích như sau:

Bảng 6.1. Đánh giá khái quát tình hình lưu chuyển tiền thuần

Chỉ tiêu	ĐVT	Cuối năm N	Cuối năm N+1	Chênh lệch	
				Số tiền	Tỷ trọng (%)
1. Tổng lưu chuyển tiền thuần	Đồng	a ₀	a ₁	$\Delta a = a_1 - a_0$	$\Delta a \times 100 / a_0$
2. Hệ số đảm bảo dòng tiền	Lần				
3. Tỷ suất tái đầu tư tiền mặt	%				